

# BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ "NGOẠI GIAO LÁNG GIỀNG" CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

LÊ VĂN MỸ\*

**T**rung Quốc là một quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, có đường biên giới rất dài. Xung quanh, Trung Quốc liên kề với 15 nước láng giềng trên đất liền và 8 quốc gia láng giềng trên biển, với khoảng trên 2 tỷ dân, chiếm chừng 40% dân số toàn cầu<sup>(1)</sup>. Quan niệm an ninh của Trung Quốc cho rằng sự thay đổi tình hình của các nước xung quanh cũng như quan hệ tốt xấu giữa Trung Quốc với các nước xung quanh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và ổn định xã hội của Trung Quốc. Từ sau chiến tranh lạnh, trong nhiều phát biểu công khai, Trung Quốc đã tỏ rõ quan điểm rằng cùng với sự phát triển của Trung Quốc, sự thay đổi của tình hình quốc tế và khu vực hiện nay, thì phát triển ngoại giao với các nước láng giềng xung quanh là nội dung quan trọng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc.

Từ năm 1978, Trung Quốc tiến hành cải cách và mở cửa, có những chuyển biến lớn về chiến lược. Trung Quốc áp dụng chính sách ngoại giao độc lập tự chủ toàn phương vị, trong đó đặt quan hệ với láng giềng ở vị trí quan trọng liên quan trực tiếp đến an ninh của Trung Quốc. Theo Trung Quốc thì các nước

xung quanh có thể chia thành hai loại: thứ nhất là các nước lớn: Nga, Nhật Bản, Ấn Độ; thứ hai là các nước vừa và nhỏ. Trung Quốc cho rằng tình hình các nước láng giềng xung quanh Trung Quốc rất phức tạp: lớn nhỏ khác nhau, giàu nghèo không đồng đều, mạnh yếu khác nhau, nhiều loại hình tôn giáo, ân oán lịch sử và lợi ích hiện thực đan quện vào nhau.

Chiến tranh lạnh kết thúc đã xuất hiện môi trường quốc tế có lợi cho Trung Quốc cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, tạo cơ hội tốt đẹp cho việc ổn định môi trường xung quanh Trung Quốc. Trung Quốc đã có những điều chỉnh chính sách đối ngoại, coi quan hệ với láng giềng là nội dung quan trọng của chính sách đối ngoại. Người ta gọi đó là chính sách "ngoại giao láng giềng". Trung Quốc có nhiều cố gắng cải thiện quan hệ lần lượt với từng nước xung quanh và cũng từng bước giành được những kết quả có lợi, tạo điều kiện ổn định xung quanh để có thể tập trung vào phát triển kinh tế, xã hội.

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1992 trong phần nói về quan hệ với các nước láng giềng đã đánh giá: "Quan

\* TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

hệ hữu nghị láng giềng thân thiện với các nước xung quanh ta ở vào thời kỳ tốt nhất từ khi thành lập nước tới nay<sup>(2)</sup>.

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XV Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1997 nhấn mạnh: "Cần phải kiên trì quan hệ hữu nghị láng giềng thân thiện. Đây là chủ trương nhất quán của nước ta, quyết không thay đổi. Đối với những vấn đề tranh chấp giữa nước ta với các nước láng giềng, cần phải xuất phát từ đại cục giữ gìn hoà bình và ổn định, thông qua hiệp thương và đàm phán hữu nghị để giải quyết. Nếu ngay một lúc không giải quyết được, có thể tạm gác lại, cầu đồng tồn dị"<sup>(3)</sup>.

Báo cáo chính trị Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2002 cũng chỉ rõ: "Hoà bình và phát triển vẫn là chủ đề hiện nay". "Chúng ta sẽ tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị láng giềng, kiên trì thân thiện với các nước láng giềng, lấy các nước láng giềng làm đối tác, tăng cường hợp tác khu vực, đưa quan hệ giao lưu hợp tác với các nước xung quanh phát triển lên một trình độ mới"<sup>(4)</sup>.

So sánh những quan điểm nêu trên của 3 kỳ Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc, chúng ta có thể thấy rằng chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc từ sau chiến tranh lạnh mang tính liên tục và có những bước phát triển, ngày càng cụ thể và được tiến hành lần lượt từng bước vào những thời cơ thích hợp với từng nước láng giềng.

### **1. Trung Quốc ký Hiệp ước hữu hảo láng giềng hữu nghị với Nga; Coi trọng dòng chính của quan hệ hữu hảo Trung-Nhật**

Mở đầu chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc được đặt ra trong

thời kỳ mới là Trung Quốc giải quyết quan hệ với Nga. Mục tiêu là giữ an toàn phía Bắc Trung Quốc để không bị sức ép như thời Liên Xô cũ, mở rộng không gian an ninh.

Trung Quốc và Nga là hai nước lớn có chung đường biên giới, quan hệ hai nước ra sao sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến các nước láng giềng xung quanh, đến nhiều nước trên dải lục địa Âu-Á và đến cả thế giới. Từ cuối những năm 80, nửa đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX quan hệ Trung-Nga đã có những bước phát triển tốt đẹp. Đến nửa cuối thập kỷ 90 và đặc biệt là những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ Trung-Nga càng có nhiều tiến triển nổi bật khiến cả thế giới quan tâm.

Từ cuối những năm 80 đầu những năm 90 thế kỷ XX, quan hệ Trung-Nga quá độ ổn định và thiết lập quan hệ ngoại giao. Tháng 5 năm 1989, cuộc gặp gỡ lịch sử sau 30 năm đối kháng giữa nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc - Đặng Tiểu Bình và nhà lãnh đạo cấp cao Liên Xô - M. Gorbachev tại Bắc Kinh, là mốc khởi đầu quan trọng trong việc nối lại bình thường hoá quan hệ Trung - Xô. Tại cuộc gặp gỡ này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô đi đến ký kết Thông cáo chung về việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước<sup>(5)</sup>.

Sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, quan hệ Trung - Nga tiếp tục phát triển. Tháng 12 - 1992, lần đầu tiên Tổng thống Nga Yeltsin sang thăm Trung Quốc và hội đàm với Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân. Trong lần gặp gỡ này, hai bên đã ra Tuyên bố Bắc Kinh, đưa ra nguyên tắc phát triển quan hệ hai nước trên cơ sở khẳng định kết quả chuyển thăm Bắc Kinh của M.

Gorbachev năm 1989<sup>(6)</sup>. Hai bên đã ký 24 hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặt nền móng vững chắc cho quan hệ hợp tác một cách bình đẳng giữa hai nước. Sau sự kiện này, tiếp tục diễn ra nhiều hoạt động trao đổi hợp tác giữa hai Chính phủ, Quốc hội, quân đội và các cơ quan báo chí của hai nước<sup>(7)</sup>.

Xuất phát từ mối quan hệ hợp tác, bình đẳng, tin cậy lẫn nhau, hướng tới thế kỷ XXI, ngày 23 - 4 - 1997, tại Điện Cremlin (Nga) Tổng thống Nga Yeltsin và Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã ký "Tuyên bố chung Trung- Nga về thế giới đa cực và xây dựng trật tự thế giới mới", thiết lập "quan hệ Nga - Trung bình đẳng, bạn bè chiến lược trong thế kỷ XXI"<sup>(8)</sup>. Sau đó nguyên thủ quốc gia hai nước thường xuyên qua lại thăm hỏi nhau và ký kết nhiều văn bản hợp tác quan trọng. Sang đầu thế kỷ XXI, vào tháng 7 năm 2001 tại Bắc Kinh (Trung Quốc) Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân và Tổng thống Nga V.I.Putin đã ký Hiệp định láng giềng hữu nghị và hợp tác giữa Liên bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, mở ra triển vọng trong tương lai xây dựng quan hệ giữa hai nước láng giềng trên cơ sở mới<sup>(9)</sup>.

Những năm qua, Trung Quốc và Nga không ngừng tăng cường quan hệ trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, thể thao..., đã và đang có những đóng góp quan trọng trong mối giao lưu mật thiết tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

Có thể nói, quan hệ Trung- Nga thời gian gần đây lại trở nên vô cùng sôi động qua các chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo vừa kết thúc chuyến

thăm Mátcova (Nga) ba ngày từ 23- 9 đến 25- 9- 2004 thì từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 2004, nhận lời mời của Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào, Tổng thống Nga V.I.Putin đã tới thăm chính thức nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Trong chuyến thăm này, ngoài việc hai bên ký kết 13 thoả thuận kinh tế và chính trị trước sự chứng kiến của nguyên thủ hai nước, Trung Quốc và Nga đã ra "Tuyên bố Trung- Nga". Tuyên bố nêu rõ: "Sự phát triển quan hệ Trung- Nga hơn mười năm qua đã đạt tới độ cao chưa từng có từ trước đến nay. "Hiệp ước láng giềng hợp tác hữu nghị Trung- Nga" được ký ngày 16-7-2001 là cột mốc quan trọng trong tiến trình phát triển quan hệ hai nước, là văn kiện mang tính cương lĩnh chỉ đạo tốc độ phát triển quan hệ Trung- Nga". Sau lễ đón tiếp tại Đại lễ đường Nhân dân, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tuyên bố: "Chúng tôi sẽ hợp tác với nhau và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược trên mọi lĩnh vực, bao gồm chính trị, kinh tế, văn hoá và an ninh". Tổng thống Nga Putin tuyên bố đã đạt được một "thoả thuận đột phá" để phát triển các mối quan hệ kinh tế và chính trị với Trung Quốc.<sup>(10)</sup>

Không chỉ dừng ở việc cải thiện quan hệ Trung- Nga, Trung Quốc còn mở rộng quan hệ và cải thiện quan hệ với các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ, tạo nên bước đột phá mới để có thêm không gian chiến lược rộng lớn hơn.

Tháng 6 - 2001 Tổ chức hợp tác Thượng Hải được thành lập. Tổ chức này được xây dựng trên quan hệ giữa Trung Quốc và Nga, Trung Quốc với các nước

Trung Á thuộc Liên Xô cũ. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải hoạt động theo một trục chính là hợp tác an ninh, có lợi cho quan hệ song phương, hơn nữa nó còn trở thành nhân tố thúc đẩy hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới, giữ cân bằng cho tình thế chiến lược thế giới, góp phần loại bỏ tư duy chiến tranh lạnh, đưa ra mối quan hệ quốc gia kiểu mới, một quan điểm an ninh kiểu mới và một mô thức hợp tác láng giềng, khu vực kiểu mới.

Đến nay, Tổ chức hợp tác Thượng Hải đã bước vào giai đoạn xây dựng một khung cơ chế hóa. Tháng 5 năm 2003, Hội nghị nguyên thủ của tổ chức này đã chính thức quyết định cơ cấu thường trực quan trọng, đó là đặt Văn phòng Thư ký ở Bắc Kinh do nguyên đại sứ Trung Quốc tại Nga Trương Đức Quảng làm Trưởng ban thư ký, chuyển Văn phòng chống khủng bố từ thủ đô Bisker của Curoguxtan sang thủ đô Taskent của Udobekixtan; đồng thời hội nghị cũng quyết định hai vấn đề: *thứ nhất*, các nước thành viên tổ chức cuộc tập trận chống khủng bố với quy mô tương đối lớn; *thứ hai*, trong hợp tác kinh tế đa phương giữa các nước thành viên, các bên đã ký “Đề cương hợp tác mật dịch đa phương giữa các nước thành viên của Tổ chức hợp tác Thượng Hải”, bắt đầu khởi động tiến trình hợp tác kinh tế<sup>(1)</sup>.

Từ sự phát triển quan hệ Trung- Nga và việc thành lập Tổ chức hợp tác Thượng Hải có thể thấy rằng *quan hệ Trung - Nga và quan hệ Trung Quốc với các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ đã trở thành nhân tố quan trọng cho việc ổn định an ninh khu vực biên giới phía Bắc và Tây Bắc Trung Quốc, là nhân tố quan*

*trọng cân bằng chiến lược an ninh thế giới.*

Quan hệ giữa Trung Quốc và Nga, giữa Trung Quốc với các nước khác trong Tổ chức hợp tác Thượng Hải tuy vẫn còn những mâu thuẫn chưa được giải quyết triệt để nhưng đều có thể được giải quyết thông qua trao đổi bàn bạc với tinh thần láng giềng, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Bên hướng Đông của Trung Quốc, việc cải thiện quan hệ với Nhật nhằm tạo nên một ổn định mới mà lâu nay Trung Quốc vẫn coi là một mối đe dọa tiềm ẩn vì Nhật có liên quan đến cả Đông Bắc Á và vì vấn đề liên minh Nhật- Mỹ.

Dòng chính của quan hệ Trung- Nhật chính là kiến lập mối quan hệ hữu hảo láng giềng Trung- Nhật. Đây không những phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hoà bình và ổn định của khu vực và thế giới. Lãnh đạo hai nước Trung Quốc, Nhật Bản đã tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy quan hệ song phương phát triển tốt đẹp. Tháng 11 năm 1998, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân sang thăm Nhật, tiếp xúc với các nhà báo, đã nêu lập trường của Trung Quốc về các vấn đề lịch sử và vấn đề Đài Loan để hướng tới phát triển quan hệ hữu hảo lâu dài Trung- Nhật. Hai bên đã công bố “Tuyên bố chung về nỗ lực kiến lập quan hệ bạn bè hợp tác hữu hảo vì hoà bình và phát triển”... Tính đến cuối năm 2000, các cuộc họp bàn trao đổi định kỳ giữa các nhà ngoại giao Trung Quốc và Nhật Bản đã tiến hành được 18 lần, trao đổi an ninh 7 lần, Hội nghị Uỷ ban hữu hảo Trung- Nhật hướng về thế kỷ XXI được 14 lần...<sup>(12)</sup>

Quan hệ Trung- Nhật từ cuối những năm 90 thế kỷ XX đến nay có chiều hướng phát triển tốt đẹp. Ngoài những thành tựu trên, hai nước đã tiến hành phối hợp và trao đổi về một số vấn đề quốc tế, đặc biệt là thông qua đối thoại giải quyết vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên.

Về phương diện mậu dịch, có thể nói quan hệ kinh tế mậu dịch trở thành chất kết dính của quan hệ hai nước. Hợp tác kinh tế Trung- Nhật vừa mang tính tất yếu vừa mang tính khả năng, đồng thời có tiềm lực to lớn. Năm 2004, kim ngạch mậu dịch song phương đạt 167,9 tỷ USD trong đó Trung Quốc xuất khẩu sang Nhật Bản 73,5 tỷ USD Mỹ và nhập khẩu từ Nhật Bản 94,4 tỷ USD<sup>(13)</sup>. Các hợp tác về kinh tế đã dẫn thúc đẩy và bổ sung cho quan hệ song phương Trung- Nhật phát triển theo chiều hướng tốt.

Tuy quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nhật Bản ngày càng mật thiết nhưng quan hệ chính trị giữa hai nước vẫn chưa được giải quyết một cách thoả đáng. Vấn đề lịch sử, vấn đề lãnh thổ và vấn đề Đài Loan là ba trở ngại chính trong quan hệ giữa hai nước. Nhưng dù sao quan hệ Trung- Nhật trong thế kỷ mới vẫn có tiềm năng phát triển tốt đẹp, bởi cả hai đều có lợi ích ổn định, hoà bình và phát triển trong khu vực. Đặc biệt, Trung Quốc kiên trì đường lối ngoại giao láng giềng hữu hảo sẽ tạo được nhiều cơ hội cho quan hệ Trung- Nhật ngày càng tốt đẹp hơn.

Ngày 23- 9- 2004 tại Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào và Phó Chủ tịch Tăng Khánh Hồng đã lần lượt tiếp đoàn nghị sĩ quốc hội Nhật Bản do Chủ tịch Hạ viện Kômô dẫn đầu sang

thăm Trung Quốc. Trong buổi tiếp, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh: Làm thế nào để thúc đẩy quan hệ Trung- Nhật phát triển lành mạnh, ổn định, sâu sắc trong thế kỷ XXI hiện là vấn đề quan trọng đặt ra giữa hai nước. Trung Quốc rất coi trọng quan hệ Trung- Nhật và luôn xuất phát từ góc độ tầm cao chiến lược và quan hệ hữu nghị lâu đời để nhận thức và tích cực thúc đẩy sự phát triển quan hệ Trung- Nhật.<sup>(14)</sup>

Tuy nhiên, quan hệ Trung - Nhật trong mấy tháng đầu năm 2005 đã lại trải qua những “giông tố” dữ dội nhất trong 30 năm qua. Việc Nhật Bản không thừa nhận những tội ác mà phát xít Nhật đã gây ra đối với nhân dân Trung Quốc trong Đại chiến thế giới lần thứ 2, việc lãnh đạo cấp cao Nhật Bản thường xuyên đến viếng đền thờ Yasukuni – nơi thờ những người Nhật chết trận trong chiến tranh thế giới thứ 2 mà trong đó có cả những tội phạm chiến tranh v.v... điều đó đi ngược lại những nỗ lực cải thiện quan hệ Trung – Nhật.

Cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Thủ tướng Nhật Bản Koizumi và Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tại Hội nghị Á - Phi diễn ra ở Indônêxia (tháng 4 – 2005), Thủ tướng Nhật Bản đã lên tiếng xin lỗi những quốc gia đã từng là nạn nhân của phát xít Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ 2. Dù kiên quyết không xin lỗi về những cuộc biểu tình chống Nhật vừa qua trên lãnh thổ Trung Quốc nhưng Trung Quốc cũng đã nhận sửa chữa các cơ quan đại diện và bồi thường thiệt hại cho các cơ sở kinh doanh của Nhật bị đập phá trong những cuộc bạo động này. Động thái trên phần nào đã làm giảm

căng thẳng trong quan hệ Trung – Nhật trong những tháng vừa qua.

Nhưng việc Phó Thủ tướng Ngô Nghi đang ở thăm Nhật Bản bất ngờ huỷ bỏ cuộc gặp gỡ với Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi chiều 23 - 5- 2005 và lên đường về nước sớm hơn dự kiến 1 ngày đã dẫn đến một vụ náo động ngoại giao về chuyến công du mà một số người từng hy vọng sẽ giúp hàn gắn mối quan hệ vốn đang căng thẳng giữa hai nước <sup>(15)</sup>

Quan hệ Trung – Nhật hiện nay đang đứng trước những thách thức mới.

## **2. Phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị với các quốc gia Đông Bắc Á, với Ấn Độ và các nước Nam Á.**

Các nước Đông Bắc Á là địa bàn chiến lược tranh chấp giữa nhiều nước lớn châu Á- Thái Bình Dương. Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Nga là những quốc gia lớn và chủ yếu tranh giành ảnh hưởng ở khu vực này. Trung Quốc đang cố gắng giữ cân bằng kéo dài, không để xảy ra những xáo động bất lợi cho Trung Quốc.

Sự đối đầu Nam- Bắc Triều Tiên là sản phẩm cuối cùng của chiến tranh lạnh trên thế giới đã và đang trở thành nhân tố dễ gây biến động nhất ở Đông Bắc Á.

Đối với Bắc Triều Tiên, tình hữu nghị truyền thống Trung- Triều và sự thoả thuận tiếp tục Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và giúp đỡ nhau giữa Trung Quốc và Triều Tiên ký năm 1961 đã làm cho Hàn Quốc và một vài nước khác trong khu vực vẫn còn lo ngại về mối quan hệ này.

Đối với Hàn Quốc, sự có mặt quân sự của Mỹ là sống còn, Hàn Quốc tự nguyện chia sẻ gánh nặng chi phí duy trì quân đội Mỹ trên bán đảo Triều Tiên.

Tuy nhiên, do những tiến bộ đã đạt được sau khi Hàn Quốc thi hành chính sách ngoại giao mới của mình và việc Trung Quốc cải tổ kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa và nhất là sau năm 1992 quan hệ Trung - Hàn bình thường hoá thì chính sách an ninh của Trung Quốc đối với bán đảo Triều Tiên là hướng tới giảm căng thẳng trên bán đảo nhằm giữ hoà bình ổn định cho khu vực. Đáng chú ý là Trung Quốc đã hợp tác với Mỹ trong nỗ lực phi hạt nhân hoá trên bán đảo Triều Tiên với mục đích ngăn chặn tái diễn một cuộc chiến tranh trên bán đảo láng giềng này. Đối với Trung Quốc, một môi trường an ninh thuận lợi ở bán đảo Triều Tiên sẽ có lợi cho nỗ lực tập trung vào thực hiện 4 hiện đại hoá.

Về vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên, hoà bình thực hiện không có hạt nhân hoặc phi hạt nhân hoá trên bán đảo Triều Tiên là thử thách lớn nhất, then chốt nhất mà ngoại giao Trung Quốc gặp phải trong những năm gần đây, nó trực tiếp liên quan tới nhiều lợi ích quốc gia quan trọng của Trung Quốc.

Ngày 6-1-2003, cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế nhất trí ra nghị quyết đòi Bắc Triều Tiên từ bỏ kế hoạch phát triển hạt nhân, tiếp nhận lại các điều tra viên, đặt lại các máy giám sát thiết bị hạt nhân tại Bắc Triều Tiên. Không đồng ý với nghị quyết trên, ngày 10 - 1 - 2003, Bắc Triều Tiên tuyên bố rút khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), khiến cộng đồng quốc tế hết sức lo ngại.

Trung Quốc đồng ý với chủ trương một bán đảo Triều Tiên không có vũ khí hạt nhân. Để giải quyết vấn đề này, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Nhật Bản,

Mỹ và các tổ chức quốc tế hữu quan đã có những cuộc tiếp xúc ngoại giao song phương và đa phương để tìm cách giải quyết vấn đề này. Là nước hiểu Bắc Triều Tiên nhất, tin rằng Trung Quốc sẽ phát huy vai trò rất lớn trong vấn đề này.

Để ổn định quan hệ với các nước Nam Á và mở rộng con đường ra Ấn Độ Dương, Trung Đông và châu Phi, Trung Quốc đã thúc đẩy cải thiện quan hệ với Ấn Độ và các nước Nam Á một cách chủ động hơn.

Từ cuối những năm 90 thế kỷ XX, lãnh đạo Trung Quốc và lãnh đạo các quốc gia Nam Á thăm hỏi lẫn nhau tương đối nhiều, Trung Quốc đặc biệt phát triển quan hệ với từng nước Ấn Độ và Pakistan...

Năm 1996, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã sang thăm Ấn Độ, Pakistan và Nêpan nhằm xác định phương hướng phát triển quan hệ song phương giữa Trung Quốc với các nước hướng tới thế kỷ XXI. Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đưa ra chính sách láng giềng hữu nghị với Ấn Độ, và nêu rõ: Trung Quốc và Ấn Độ đều là hai quốc gia đang phát triển, không để xảy ra sự đe dọa cho đối phương, chúng ta chân thành mong mỗi cùng chung sống hoà bình, láng giềng hữu nghị, hợp tác cùng có lợi, giúp đỡ nhau trong sự phát triển lâu dài.

Trong hội nghị tại Islamabad, thủ đô Pakistan, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã trình bày toàn diện, có hệ thống 5 chính sách cơ bản của Trung Quốc trong quan hệ với khu vực Nam Á:

- Mở rộng qua lại, đi sâu hữu nghị.
- Tôn trọng lẫn nhau, xây dựng quan hệ láng giềng hữu hảo qua các thế hệ.
- Cùng có lợi, cùng phát triển.

- Cầu đồng tồn dị, xử lý thoả đáng sự khác biệt.

- Đoàn kết hợp tác, cùng tạo ra tương lai tốt đẹp. <sup>(16)</sup>

Trung Quốc phản đối chạy đua hạt nhân ở Nam Á và hết sức coi trọng quan hệ láng giềng hữu hảo với Ấn Độ và Pakistan.

Hiện nay, tuy giữa Trung Quốc và Ấn Độ còn chưa giải quyết thoả đáng vấn đề biên giới, nhưng hai nước đã ký "Tuyên bố chung nguyên tắc quan hệ và hợp tác toàn diện Trung Quốc-Ấn Độ", tuyên bố không coi nhau là thù địch, là mối đe dọa, đồng thời cùng chung sức phát triển quan hệ đối tác mang tính xây dựng lâu dài, xác định khung phát triển quan hệ hai nước trong tương lai. Đặc biệt, Trung Quốc bày tỏ sự ủng hộ Ấn Độ tham gia thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc: "Chính phủ Trung Quốc đánh giá cao ảnh hưởng và vai trò của Ấn Độ trong các vấn đề quốc tế và khu vực, và sẵn sàng chứng kiến một vai trò lớn hơn của Ấn Độ trên trường quốc tế, trong đó có diễn đàn Liên Hợp Quốc". <sup>(17)</sup>

### **3. Trung Quốc coi trọng và phát triển quan hệ láng giềng hữu hảo, hợp tác phát triển với các nước ASEAN.**

Sau khi đã cơ bản giải quyết được mối quan hệ với các nước láng giềng phía Bắc, Đông và Tây Nam, thì Đông Nam Á đã trở thành hướng đột phá tiếp sau để mở đường cho Trung Quốc đi vào khu vực, đi ra thế giới.

Trung Quốc là một nước lớn đang phát triển cần phạm vi ảnh hưởng. Cùng với việc giải quyết quan hệ với các quốc gia láng giềng xung quanh thì ASEAN là sự lựa chọn tự nhiên nhất, hợp lý nhất và cũng là thiết yếu nhất.

Về mặt chính trị, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được coi là chỗ dựa quan trọng hàng đầu để Trung Quốc bảo vệ quyền lợi, phát huy vai trò quốc tế. Trung Quốc và các nước ASEAN nằm trong cùng một khu vực, có hoàn cảnh lịch sử, văn hoá gần gũi và đều là các nước đang phát triển, có thể có những lợi ích chung trong các vấn đề quốc tế và khu vực. Đây là cơ sở chiến lược để Trung Quốc phát triển mối quan hệ hữu hảo với các nước ASEAN.

Mặt khác, các nước ASEAN còn là đối tác quan trọng để Trung Quốc mở cửa đối ngoại, phát triển hợp tác cùng có lợi. Trung Quốc và các nước ASEAN có vị trí địa lý gần nhau, hơn nữa các nước ASEAN lại là một trong những khu vực tập trung đông nhất người Hoa và Hoa kiều, vì thế trong giao lưu phát triển kinh tế cũng có ưu thế riêng. Cùng với sự phát triển của toàn cầu hoá và hợp tác hoá khu vực, các nước ASEAN đang trở thành khu vực quan trọng để Trung Quốc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế “đi ra bên ngoài” của mình.

Về mặt an ninh, các nước ASEAN là lá chắn trực tiếp bảo vệ an ninh quốc gia của Trung Quốc và cũng là đầu cầu đi ra thế giới của Trung Quốc. Các nước ASEAN phần lớn đều là nước vừa và nhỏ, vì thế kinh tế và quân sự không tạo nên mối đe dọa về an ninh đối với Trung Quốc. Trung Quốc có thể có điều kiện thuận lợi mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình ở đây và tạo lập vai trò quan trọng trong khu vực. Môi trường an ninh phía Đông Nam Trung Quốc hoà bình và ổn định là điều kiện quan trọng để Trung Quốc có được an ninh trên hướng Nam, tiến hành thuận lợi sự nghiệp xây

dựng hiện đại hoá đất nước. ASEAN trở thành trọng điểm trong chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc, Trung Quốc đã nỗ lực rất cao trong việc xây dựng quan hệ với từng quốc gia thành viên ASEAN và với khối nước ASEAN nói chung.

Đại hội lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào tháng 10 năm 1992 đã xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng của chính sách đối ngoại Trung Quốc là phát triển quan hệ hợp tác với các nước ASEAN. Xét về lâu dài, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với ASEAN là sự tiếp nối từ trước, nhằm lập ảnh hưởng về chính trị, kinh tế, văn hoá với ASEAN, không để cho bất kỳ nước lớn nào chen chân vào Đông Nam Á, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản.

Về phía các nước ASEAN, khi mới thành lập, ASEAN vốn không có ý nguyện hợp tác với Trung Quốc. Lúc đầu, 5 nước sáng lập ASEAN mang đậm sắc thái ngăn chặn Đông Nam Á bị “cộng sản hoá”, kiềm chế phe XHCN mở rộng ảnh hưởng đến khu vực. Nhưng sau khi Việt Nam- một nước XHCN gia nhập ASEAN (năm 1995) chẳng những đã làm thay đổi màu sắc “chống cộng” của ASEAN mà còn khiến ASEAN dần tiếp cận với Trung Quốc. Tuy vẫn còn một số nước ASEAN lo ngại “Thuyết về mối đe dọa từ Trung Quốc”, vẫn chưa rời lỏng cảnh giác đối với Trung Quốc nhưng đã bắt đầu ý thức được sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc không tạo ra mối đe dọa an ninh thực sự đối với ASEAN. Khi Trung Quốc một mình chiếm ưu thế trên các lĩnh vực thu hút vốn nước ngoài, xuất khẩu, phát triển kinh tế có thể sẽ gây ra những tác động tiêu cực đối với



ASEAN, đặc biệt trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư và thị trường xuất khẩu.

Phải nói rằng, từ cuối những năm 90 thế kỷ XX đến nay, quan hệ Trung Quốc-ASEAN đã đạt được những tiến triển nổi bật. Tháng 7 năm 1996 Trung Quốc trở thành nước đối thoại bạn bè toàn diện với ASEAN. Tháng 2 năm 1997, Hội đồng liên hợp Trung Quốc-ASEAN được thành lập tại Bắc Kinh (Trung Quốc) và tiến hành phiên họp lần thứ nhất.

Sự hợp tác Trung Quốc-ASEAN hướng tới thế kỷ XXI được khẳng định trong tuyên bố chung của cuộc gặp gỡ giữa những người đứng đầu nhà nước, chính phủ các nước thành viên ASEAN và Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân tại Kualumpur thủ đô Malaixia ngày 16 tháng 12 năm 1997. Tuyên bố chung nêu rõ: "Những người đứng đầu nhà nước, chính phủ các nước thành viên ASEAN và Chủ tịch nước CHND Trung Hoa bày tỏ sự hài lòng về những mối quan hệ đang phát triển nhanh chóng giữa ASEAN và Trung Quốc-cũng như từng nước thành viên ASEAN và Trung Quốc". Các bên cam kết "thúc đẩy các mối quan hệ láng giềng tốt và hữu nghị, tăng cường các cuộc trao đổi cấp cao, củng cố cơ chế đối thoại và hợp tác trong tất cả các lĩnh vực nhằm tăng cường hiểu biết và lợi ích chung", "tăng cường sự hợp tác ở các cấp song phương và đa phương trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển lâu bền và tiến bộ xã hội trên cơ sở những nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và chia sẻ trách nhiệm vì lợi ích và sự thịnh

vượng quốc gia và khu vực trong thế kỷ XXI.<sup>(18)</sup>

Trong quan hệ với các nước ASEAN, Trung Quốc tích cực tham gia Diễn đàn hợp tác khu vực ASEAN (ARF), Hợp tác ASEAN- Trung Quốc (10 +1), ASEAN - Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (10+3), dần dần nâng cấp quan hệ Trung Quốc với các nước ASEAN, từ đó tạo ra được môi trường ổn định cho sự hợp tác và phát triển trong khu vực.

Song song với sự hình thành các cơ chế hợp tác mới, quan hệ kinh tế, đặc biệt là thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN phát triển rất nhanh. Nếu như kim ngạch xuất nhập khẩu Trung Quốc - ASEAN năm 1978 mới chỉ có 0,86 tỷ USD thì năm 1991 là 8,3 tỷ; năm 1996 là 15, 85 tỷ; năm 2000 là 39,4 tỷ và năm 2001 là 41, 62 tỷ. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO thì con số này đã đạt tới 105,9 tỷ USD vào năm 2004. ASEAN hiện là bạn hàng nhập khẩu lớn thứ ba của Trung Quốc sau Nhật Bản và EU, là đối tác xuất khẩu lớn thứ năm của Trung Quốc sau Mỹ, EU, Hồng Kông và Nhật Bản.<sup>(19)</sup>

Tại Hội nghị những người lãnh đạo ASEAN và lãnh đạo Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (10 +3) lần thứ 5 và Hội nghị ASEAN- Trung Quốc (10 +1) họp vào tháng 5 năm 2001, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã trình bày lập trường của Trung Quốc đối với hướng phát triển tương lai của ASEAN và đưa ra những kiến nghị quan trọng về việc xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN.

Ngày 4-11-2002 tại Phnôm Pênh- thủ đô Campuchia, trong Hội nghị Trung Quốc với các nước Hiệp hội Đông Nam Á (ASEAN) các nhà lãnh đạo Trung Quốc và ASEAN đã thảo luận bản “Tuyên bố hành vi các bên về biển Nam Trung Hoa (Biển Đông)”. Sự kiện này đánh dấu sự tin tưởng sâu sắc lẫn nhau về chính trị giữa Trung Quốc và ASEAN, có lợi cho việc bảo vệ hoà bình và ổn định trong khu vực. Cũng tại hội nghị, các nhà lãnh đạo Trung Quốc và ASEAN đã chính thức thông qua Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Trung Quốc và ASEAN, dự tính đến năm 2010 sẽ xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN<sup>(20)</sup>. *Việc thành lập khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN là một thành công lớn của sự hợp tác Trung Quốc-ASEAN, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế.*

Tháng 11-2004, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tham gia Hội nghị lãnh đạo ASEAN- Trung, Nhật, Hàn Quốc tại thủ đô Viên Chăn (Lào), đã trình bày “Kế hoạch hành động thực hiện Tuyên ngôn liên hợp của mối quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc-ASEAN hướng tới hoà bình và phồn vinh. Cũng trong hội nghị này Trung Quốc và ASEAN còn ký một loạt hiệp định và chính thức khởi động tiến trình Khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN.<sup>(21)</sup>

Quan hệ láng giềng hữu hảo Trung Quốc-ASEAN hướng tới thế kỷ XXI đang ngày càng tiến triển tốt đẹp. Nhưng cũng phải thấy rằng, đồng thời với việc duy trì xu thế hợp tác tốt đẹp thì Trung Quốc và các quốc gia ASEAN cũng đang phải đối mặt với một số thách

thức: Đó là vấn đề “Thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc” có thể trở thành nhân tố bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển song phương; vấn đề người Hoa, Hoa kiều ở các quốc gia Đông Nam Á; vấn đề Đài Loan; vấn đề các nước lớn Mỹ, Nhật, Ấn Độ đều tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á, có ý đồ lợi dụng một số nước Đông Nam Á để kiềm chế Trung Quốc, làm suy yếu ảnh hưởng của Trung Quốc. Đặc biệt vấn đề Trường Sa (Nam Sa) là trở ngại lớn nhất cho việc Trung Quốc thiết lập phạm vi thế lực trong ASEAN. Vấn đề dầu mỏ tại Trường Sa là số một, tiếp đến là vấn đề mang tính chiến lược đối với Trường Sa của Trung Quốc. Giải quyết vấn đề Trường Sa không khéo sẽ làm tiêu tan kế hoạch thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc với các nước ASEAN. Vì vậy Trung Quốc chủ trương lấy nguyên tắc “tạm gác tranh chấp cùng phát triển” làm khuôn khổ tạo dựng quan hệ hợp tác lâu dài với các nước có liên quan. Phương châm cơ bản của Trung Quốc là giữ đúng 5 nguyên tắc chung sống hoà bình và đàm phán để giải quyết các tranh chấp quốc tế, trong đó bao hàm cả tinh thần láng giềng hữu hảo để giải quyết thoả đáng các vấn đề biên giới. Mục đích chủ yếu nhất của Trung Quốc ở Đông Nam Á hiện nay là phòng ngừa Mỹ, sau đó thực hiện hợp tác kinh tế, chính trị với các nước ASEAN nhằm bảo đảm ổn định, phồn vinh biên cương chiến lược của Trung Quốc.

\*

Từ Hội nghị Trung ương 3 khoá XI, Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách và mở cửa. Cùng với sự phát triển của

tình hình trong nước, những biến đổi của cục diện quốc tế sau chiến tranh lạnh, Trung Quốc đã từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình, chính sách ngoại giao láng giềng ngày càng được cụ thể hơn, nhờ vậy Trung Quốc có thêm điều kiện thuận lợi để xây dựng hiện đại hoá và thực hiện cải cách với tốc độ cao hơn, mở cửa rộng hơn để phát triển xây dựng kinh tế và mở rộng khu vực ảnh hưởng. Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, *hy vọng rằng trong quá trình thực hiện mục tiêu to lớn đó, trong quan hệ láng giềng, khu vực và quốc tế, Trung Quốc sẽ trở thành một nhân tố tích cực, xây dựng quan hệ hợp tác ổn định, góp phần quan trọng cho an ninh khu vực và quốc tế.* Như vậy sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc xây dựng và phát triển kinh tế ở trong nước, đồng thời góp phần tạo dựng nên hoà bình, tin cậy lẫn nhau trong khu vực và cũng là thuận lợi với dòng chính của thế giới ngày nay là: Hoà bình - hợp tác - cùng phát triển, hợp với quy luật phát triển của thế giới đương đại và tương lai.



#### CHÚ THÍCH:

- (1). TTXVN, TLTKĐB ngày 31-12-2004
- (2). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc, TTXVN, TLTKĐB, ngày 14 -10-1992.
- (3). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XV ĐCS Trung Quốc, TTXVN, TLTKĐB, ngày 17-9-1997.
- (4). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI ĐCS Trung Quốc, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 83.
- (5). Nhân dân nhật báo (Trung Quốc), ngày 15-8-1989.
- (6). Quan hệ quốc tế hiện đại. Học viện quan hệ quốc tế, Mátxcơva (Nga) năm 2001, tr. 368.
- (7). Quan hệ Trung - Nga 50 năm qua, TTXVN, TTKCN, ngày 19-12-1999.
- (8). Quan hệ quốc tế hiện đại, Sdd, tr. 369.
- (9). Liên Xô - Trung Quốc: từ đối đầu đến bè bạn, IU.PESKOP. Trung Quốc trong chính trị thế giới, Viện Viễn đông, Viện Hàn lâm khoa học Nga, Mátxcơva 2002, tr. 185.
- (10). TTXVN, TTKCN, ngày 16-10-2004.
- (11). Như trên, ngày 21-3-2004.
- (12). Đường Phúc Xương (chủ biên): Lịch sử ngoại giao đương đại Trung Quốc 1949 - 2001. Tủ sách ngoại giao học (Trung Quốc) năm 2002, tr. 538, 539.
- (13). Công báo thống kê phát triển kinh tế xã hội quốc dân năm 2004 nước CHND Trung Hoa. Cục Thống kê Nhà nước, ngày 28-2-2005.
- (14). TTXVN, TLTKĐB, ngày 30-9-2004.
- (15). Tin mạng Vietnamnet ngày 25-4-2005
- (16). Như chú thích (12), tr. 553.
- (17). TTXVN, TLTKĐB, ngày 01-11-2004.
- (18). Như trên, ngày 26-12-1997.
- (19). Như chú thích (13)
- (20). TTXVN, TLTKĐB, ngày 08-11-2002.
- (21). Như trên, ngày 4-4-2001